TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ PHAN THIẾT** **TỈNH BÌNH THUẬN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 48/2020/HNGĐ-ST
Ngày: 27/7/2020.
(V/v: Ly hôn, nuôi con chung).

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ PHAN THIẾT - TỈNH BÌNH THUẬN

***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**:** Bà Mai Thị Huấn.
Các Hội thẩm nhân dân:
1/ Ông Đỗ Văn Hòa.
2/ Ông Phan Hồng Liêm.
Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Nhàn – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Phan Thiết, tỉnh Bình Thuận.
Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Phan Thiết, tỉnh Bình Thuận tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thúy An – Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 7 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Phan Thiết, tỉnh Bình Thuận xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số 148/2020/TLST-HNGĐ ngày 06/5/2020 về việc "*Ly hôn, nuôi con chung"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 265/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 06/7/2020 giữa:

Nguyên đơn: Bà Huỳnh Thị Tuyết N – sinh năm 1980 (Có mặt).
Nơi cư trú: khu phố 3, phường M, thành phố P, tỉnh Bình Thuận.
Bị đơn: Ông Trương Phước H – sinh năm 1979 (Có mặt).
Nơi cư trú: khu phố 3, phường M, thành phố P, tỉnh Bình Thuận.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Tại nội dung đơn kiện, bản khai nguyên đơn trình bày:**

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Huỳnh Thị Tuyết N và ông Trương Phước H tự nguyện tìm hiểu yêu thương, chung sống vào năm 2004 và có đăng ký kết hôn tại UBND phường M, thành phố P vào ngày 23/02/2018.

Thời gian đầu vợ chồng sống bình thường, hạnh phúc cùng nhau làm ăn lo cho các con, đến năm 2018 thì xảy ra mâu thuẫn nguyên nhân là do ông H có mối quan hệ khác bên ngoài và cờ bạc nên vợ chồng thường xuyên bất đồng quan điểm, trong cuộc sống vợ chồng thường xảy ra cải vã, cuộc sống gia đình xáo trộn, măc dù vợ chồng cũng đã cố gắng dàn xếp nhưng thực tế vẫn không có hạnh phúc nên tự quyết định sống xa nhau, không ai quan tâm đến ai. Nay bà N xác định tình cảm vợ chồng không còn nên làm đơn yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà N được ly hôn ông Trương Phước H.

- Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung tên Trương Phước H1 (nam) – sinh ngày 10/7/2004 và Trương Phước T (nam) – sinh ngày 14/12/2013.

Sau khi ly hôn, bà N yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung và yêu cầu ông Trương Phước H cấp dưỡng tiền nuôi 02 con chung mỗi tháng 4.000.000 đồng (2.000.000 đồng/01 con/tháng).

- Về tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, bà N trình bày: vẫn giữ ý kiến đã trình bày, bà N xác định mâu thuẫn vợ chồng đã quá trầm trọng, vợ chồng không còn tin tưởng, tôn trọng nhau, hiện nay tình cảm vợ chồng không còn và đã tự sống xa nhau, không ai quan tâm đến ai nên bà N yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông H. Về con chung: yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng 02 con chung và yêu cầu ông H cấp dưỡng tiền nuôi 02 con chung mỗi tháng 4.000.000 đồng (2.000.000 đồng/01 con/tháng). Về tài sản, nợ chung: không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*** Tại nội dung bản khai, biên bản hòa giải bị đơn trình bày:**

- Về quan hệ hôn nhân: Ông Trương Phước H và bà Huỳnh Thị Tuyết N tự nguyện tìm hiểu yêu thương, chung sống vào năm 2004. Ông bà có đăng ký kết hôn và được UBND phường M, thành phố P cấp giấy chứng nhận kết hôn số 28/2018, ngày 23/02/2018.

Quá trình chung sống: thời gian đầu vợ chồng sống bình thường, hạnh phúc và sinh được 02 con chung, mặc dù trong cuộc sống vợ chồng cũng có mâu thuẫn nhỏ nhưng vẫn cố gắng dàn xếp để chung sống. Đến năm 2019 vợ chồng xảy ra mâu thuẫn do ông H làm ăn thua lỗ nên phải đi làm ăn xa, vợ chồng không có thời gian gần gũi, quan tâm chăm sóc nhau do vậy tình cảm vợ chồng ngày càng phai nhạt. Nay bà N làm đơn xin ly hôn, ông H không đồng ý ly hôn vì còn thương vợ thương con, nhưng nếu bà N cương quyết ly hôn thì ông H cũng đồng ý ly hôn nhưng phải giải quyết rõ ràng về tài sản.

- Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung tên Trương Phước H1 (nam) – sinh ngày 10/7/2004 và Trương Phước T (nam) – sinh ngày 14/12/2013. Sau khi ly hôn, ông H đồng ý giao 02 con chung cho bà N trực tiếp nuôi dưỡng và đồng ý cấp dưỡng tiền nuôi 02 con chung mỗi tháng 4.000.000 đồng.

- Về tài sản chung: Vợ chồng có 01 miếng đất và 01 căn nhà cấp 4 ở khu phố 15, phường M, thành phố P, ông H đề nghị để lại toàn bộ tài sản trên cho các con, ông H không nhận bất kỳ tài sản nào và không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản.

- Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, ông H trình bày: Trong thời gian chung sống với nhau, vợ chồng đã xảy ra mâu thuẫn nhưng không lớn và tự dàn xếp, đến năm 2015 do làm ăn thất bại nên ông H vào Thành phố Hồ Chí Minh sinh sống nhưng lâu lâu vẫn về thăm vợ con. Đến năm 2019 thì bà N thay đổi không còn tình cảm với chồng nên vợ chồng xảy ra mâu thuẫn và tự sống xa nhau. Nay ông H xác định vợ chồng có trở về

chung sống cũng không có hạnh phúc nên đồng ý ly hôn theo yêu cầu của bà N nhưng phải giải quyết rõ ràng về tài sản. Về con chung: đồng ý giao 02 con chung cho bà N nuôi và đồng ý cấp dưỡng tiền nuôi con mỗi tháng 4.000.000 đồng. Về tài sản chung: có 01 miếng đất và 01 căn nhà cấp 4 ở khu phố 15, phường M nếu bà N viết giấy để lại cho con thì ông H không tranh chấp. Về nợ chung: không có.

**** Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến:*** Qua nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án thông qua việc kiểm sát thụ lý, lập hồ sơ vụ án và kiểm sát trực tiếp tại phiên tòa, Viện kiểm sát có ý kiến như sau :

- Về tố tụng: từ khi thụ lý đến trước khi mở phiên tòa Thẩm phán, Thư ký chấp hành đúng trình tự thủ tục theo quy định của pháp luật, xác định đúng thẩm quyền, quan hệ tranh chấp và tư cách pháp lý của những người tham gia tố tụng. Thời hạn chuẩn bị xét xử, thời hạn mở phiên tòa, thời hạn gửi hồ sơ cho Viện kiểm sát nghiên cứu đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự quy định.

Tại phiên tòa hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa tiến hành các trình tự thủ tục đúng theo quy định của pháp luật.

Đối với người tham gia tố tụng: nguyên đơn, bị đơn chấp hành đúng các quy định của pháp luật và chấp hành tốt nội quy phiên tòa.

- Về nội dung: Viện kiểm sát thấy rằng tài liệu chứng cứ trong hồ sơ vụ án đã thể hiện hôn nhân của ông Trương Phước H và bà Huỳnh Thị Tuyết N là hợp pháp, ông bà tự nguyện chung sống và có đăng ký kết hôn tại UBND phường M, thành phố P vào ngày 23/02/2018. Trong quá trình chung sống vợ chồng có xảy ra mâu thuẫn, không thể hàn gắn, hiện nay cũng đã sống xa nhau và tại phiên tòa cũng đồng ý thuận tình ly hôn, chứng tỏ tình cảm vợ chồng của ông bà không còn, cuộc sống hôn nhân không có hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó: căn cứ vào Điều 51, Điều 53, Điều 56 Luật HNGĐ 2014 đề nghị HĐXX xử Công nhận việc thuận tình ly hôn giữa ông H và bà N.

Về con chung: Hiện nay 02 con chung tên Trương Phước H1 (nam) – sinh ngày 10/7/2004 và Trương Phước T (nam) – sinh ngày 14/12/2013 đang được bà N trực tiếp nuôi dưỡng và các con chung cũng có nguyện vọng được ở với mẹ nên đề nghị HĐXX xử tiếp tục giao con chung cho bà N nuôi là phù hợp; Ông H được quyền thăm nom, chăm sóc giáo dục con chung sau khi ly hôn.

Về tiền cấp dưỡng: Ông H đồng ý cấp dưỡng tiền nuôi 02 con chung cho bà N mỗi tháng 4.000.000 đồng (2.000.000 đồng/con/tháng) theo yêu cầu của bà N. Đây là sự thỏa thuận tự nguyện của các đương sự, thỏa thuận này đúng với các quy định tại Điều 110, 116, 117 Luật HNGĐ nên đề nghị HĐXX chấp nhận.

Về tài sản chung: Tại phiên tòa ông H yêu cầu phải giải quyết rõ ràng tài sản chung mới đồng ý ly hôn nhưng xét thấy trong qúa trình giải quyết vụ án ông H không yêu cầu giải quyết về tài sản và không làm các thủ tục theo quy định nên Viện kiểm sát không có ý kiến. Về nợ chung: Ông H, bà N không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Viện kiểm sát không có ý kiến.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi xem xét các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ, vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, nghe kết quả tranh tụng tại phiên tòa, nghe ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát thành phố Phan Thiết, hội đồng xét xử nhận định:

*** Về tố tụng:** Bà Huỳnh Thị Tuyết N có đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết việc ly hôn, nuôi con chung. Bị đơn là ông Trương Phước H hiện cư trú tại phường M, thành phố P. Theo quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015 thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Phan Thiết.

* **Về quan hệ hôn nhân:** Hôn nhân của ông Trương Phước H và bà Huỳnh Thị Tuyết N là hợp pháp, ông bà tự nguyện chung sống và có đăng ký kết hôn tại UBND phường M, thành phố P vào ngày 23/02/2018.

Quá trình giải quyết vụ án, ông bà thừa nhận thời gian đầu vợ chồng sống bình thường, hạnh phúc và có 02 con chung, năm 2015 do ông H làm ăn thất bại nên vào thành phố H sinh sống, vợ chồng bắt đầu sống xa nhau, không có thời gian gần gũi, quan tâm chăm sóc nhau do vậy tình cảm vợ chồng ngày càng phai nhạt. Đến năm 2019 ông H trở về chung sống nhưng thực tế cuộc sống vợ chồng không có hạnh phúc do không tin tưởng nhau nên ông bà tự quyết định sống xa nhau, không ai quan tâm đến ai. Tại phiên tòa ông H cũng xác định tình cảm vợ chồng không còn và đồng ý ly hôn theo yêu cầu của bà Nhung, như vậy chứng tỏ tình trạng hôn nhân của ông bà đã mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được để đảm bảo quyền lợi và nhằm ổn định cuộc sống cho các bên, HĐXX công nhận việc thuận tình ly hôn giữa ông Trương Phước H và bà Huỳnh Thị Tuyết N.

- Về con chung: Ông bà có 02 con chung tên Trương Phước H1 (nam) – sinh ngày 10/7/2004 và Trương Phước T (nam) – sinh ngày 14/12/2013.

Quá trình giải quyết và tại phiên tòa ông H và bà N thỏa thuận giao 02 con chung cho bà N tiếp tục nuôi dưỡng, xét thấy đây là sự thỏa thuận tự nguyện của các đương sự, thỏa thuận này cũng phù hợp với các quy định của pháp luật nên HĐXX chấp nhận.

Ông H có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung sau khi ly hôn.

- Về mức cấp dưỡng và phương thức thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng: các đương sự thỏa thuận mức cấp dưỡng nuôi 02 con chung mỗi tháng là 4.000.000 đồng (2.000.000 đồng/con/tháng) cho đến khi 02 con chung tròn 18 tuổi và đủ khả năng lao động. Đây là sự thỏa thuận tự nguyên của các đương sự và cũng phù hợp với các quy định của pháp luật nên HĐXX chấp nhận.

- Về tài sản chung: Tại phiên tòa, ông H yêu cầu phải giải quyết tài sản cho rõ ràng mới đồng ý ly hôn, xét thấy trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã ra Thông báo để ông H làm thủ tục tranh chấp tài sản theo quy định, ngày 22/6/2020 ông H có bản tự khai tự nguyện để tài sản cho hai con, không yêu cầu gì cả, Tòa án cũng đã tiến hành lập biên bản ghi lời khai: ông H vẫn yêu cầu để lại tài sản cho

con, ông H không yêu cầu chia tài sản chung. Trong vụ án này ông H không yêu cầu giải quyết về tài sản chung nên HĐXX không xem xét. Sau khi ly hôn nếu ông H có yêu cầu tranh chấp tài sản chung thì được quyền khởi kiện để giải quyết bằng một vụ án khác.

- Về nợ chung: Ông H, bà N không yêu cầu Tòa án giải quyết nên HĐXX không xét.

- Về án phí: Bà N phải chịu 300.000 đồng án phí về việc xin ly hôn, ông H phải chịu 300.000 đồng án phí cấp dưỡng tiền nuôi con.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

1/ Áp dụng: Điều 5, khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Điều 9, Điều 51, Điều 53, Điều 54, Điều 56, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 110, Điều 116, Điều 117, Luật Hôn nhân gia đình năm 2014;

Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy Ban Thường Vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

2/ Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

- Về quan hệ hôn nhân: Công nhận việc thuận tình ly hôn giữa ông Trương Phước H và bà Huỳnh Thị Tuyết N.

- Về con chung**:** Tiếp tục giao 02 con chung tên Trương Phước H1 (nam) – sinh ngày 10/7/2004 và Trương Phước T (nam) – sinh ngày 14/12/2013 cho bà N trực tiếp nuôi dưỡng.

Về mức cấp dưỡng và phương thức thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng: Ông H cấp dưỡng tiền nuôi 02 con chung mỗi tháng mỗi tháng 4.000.000 đồng (2.000.000 đồng/con/tháng) cho đến khi các con chung tròn 18 tuổi và có khả năng lao động.

Ông H có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung sau khi ly hôn.

Trường hợp bên có nghĩa vụ chậm trả tiền thì bên đó phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo thỏa thuận của các bên nhưng không được vượt quá mức lãi suất được quy định tại khoản 01 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015; nếu không có thỏa thuận thì thực hiện theo quy định tại khoản 02 Điều 468 Bộ luật dân sự.

- Về án phí: Bà Huỳnh Thị Tuyết N phải chịu 300.000 đồng án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm. Ngày 06/5/2020 bà N đã nộp 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí do Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Phan Thiết thu theo biên lai số 0005588, nay chuyển sang án phí và sung công quỹ nhà nước. Ông Trương Phước H phải chịu 300.000 đồng án phí cấp dưỡng tiền nuôi con.

- Về quyền kháng cáo: Án xử sơ thẩm công khai, các đương sự được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (27/7/2020).

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

<u>Nơi nhận</u> :
- *Các đương sự;*
- *Viện kiểm sát nhân dân Phan Thiết;*
- *Toà án tỉnh Bình Thuận;*
- *Thi hành án dân sự Phan Thiết;*
- *Lưu.*

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ toạ phiên tòa

(đã ký)

Mai Thị Huấn